TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 954/2021/DS-ST
Ngày 14 tháng 12 năm 2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Ông Nguyễn Văn Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Xuân Trường, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 1086/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2021/QĐST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần A**

Địa chỉ: 266-268 N, Phường N (nay là phường V), Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thụy Q (Giấy ủy quyền số 120/2020/UQ-CNTĐ lập ngày 19 tháng 6 năm 2020)

Địa chỉ: 247-247bis H, Phường A (nay là phường V), Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bà **Đỗ Thị Ngọc B** Sinh năm: 1987

Địa chỉ: 40/10/6 P, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Ngô Thụy Q trình bày:

Căn cứ trên giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 22/03/2018 của bà Đỗ Thị Ngọc B, Ngân hàng thương mại cổ phần A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng A) đã cấp cho bà B thẻ tín dụng số 486265 - 0004, loại thẻ quốc tế Visa Ladies First, hạn mức thẻ là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng, lãi suất và phí theo quy định tại Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của là Ngân hàng A. Lãi suất trong hạn là 2,15%/tháng. Lãi suất quá hạn là 150% x 2,15% tương đương 3,225%/tháng.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà B thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 338.482.000 (ba trăm ba mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn) đồng. Bà B đã thanh toán được 321.102.000 (ba trăm hai mươi mốt triệu, một trăm lẻ hai ngàn) đồng.

Do bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 31/01/2020, Ngân hàng Ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ gốc còn thiếu sang nợ quá hạn là 23.773.288 (hai mươi triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn, hai trăm tám mươi tám) đồng và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn.

Nay, Ngân hàng A yêu cầu bà Đỗ Thị Ngọc B thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 20/4/2021 là 38.484.068 (ba mươi tám triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn không trăm sáu mươi tám) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 23.773.288 (hai mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn hai trăm tám mươi tám) đồng.

- Lãi quá hạn là 14.710.780 (mười bốn triệu bảy trăm mười ngàn bảy trăm tám mươi) đồng.

Bà B phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 21/4/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 22 tháng 03 năm 2018 và bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương.

Ngân hàng A chỉ yêu cầu cá nhân bà Đỗ Thị Ngọc B thanh toán nợ, không yêu cầu đưa thêm bất cứ người nào vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn - bà Đỗ Thị Ngọc B vắng mặt suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ kiện mặc dù Tòa án đã thực hiện thủ tục triệu tập và niêm yết hợp lệ. Bà B cũng không gửi văn bản phản hồi đến Tòa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ các nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa triệu tập xét xử hợp lệ và cũng không gửi văn bản ý kiến đến phiên tòa.

Tại phần tranh luận, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt không có ý kiến tranh luận.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án thấy rằng, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa; việc gửi, cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; thời hạn mở phiên tòa sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử tuân thủ quy định tại khoản 4 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, Thẩm phán còn có vi phạm thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (trễ hạn).

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong việc xét xử sơ thẩm vụ án.

1.2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn: Từ khi nộp đơn khởi kiện đến phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn: Từ khi vụ án được thụ lý đến phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn có địa chỉ tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Tòa đã tống đạt xét xử hợp lệ triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm lần 1 mở ngày 16/11/2021 và lần 2 mở ngày 14/12/2021 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do bị đơn ký tên chủ thẻ chính vào ngày 22/03/2018 cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện đã đủ cơ sở xác định bị đơn đã được nguyên đơn cấp thẻ tín dụng loại Visa Ladies First, hạn mức thẻ là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng là 2,15%/tháng.

Căn cứ Bản sao kê tài khoản thẻ thì bị đơn đã thực hiện các giao dịch từ ngày 31/3/2018 đến ngày 31/8/2019 với tổng số tiền đã sử dụng là 338.482.000 (ba trăm

ba mươi tám triệu, bốn trăm tám mươi hai ngàn) đồng. Từ ngày 31/3/2018 cho đến ngày 31/8/2019, bị đơn đã thanh toán được 321.102.000 (ba trăm hai mươi mốt triệu, một trăm lẻ hai ngàn) đồng. Từ ngày 01/9/2019 cho đến nay, bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào. Sau khi ưu tiên thanh toán các loại phí và lãi trong hạn thì số tiền còn nợ lại là 23.773.288 (hai mươi triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn, hai trăm tám mươi tám) đồng chuyển nợ quá hạn từ ngày 31/01/2020. Lãi suất quá hạn là 150% x 2,15% tương đương 3,225%/tháng.

Như vậy, tính đến ngày 14/12/2021, bị đơn còn nợ nguyên đơn do việc sử dụng thẻ tín dụng nêu trên với tổng số tiền là 45.839.458 (bốn mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn, bốn trăm năm mươi tám) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 23.773.288 (hai mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn, hai trăm tám mươi tám) đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 14/12/2021 là 22.066.170 (hai mươi hai triệu, không trăm sáu mươi sáu ngàn, một trăm bảy mươi) đồng.

Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở, tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng từ ngày 01/9/2019 cho đến nay, bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn bất kỳ khoản tiền nào đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn trong một thời gian dài. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là phù hợp với quy định Điều 2 Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng được ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03-2-2005; Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Về phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình tố tụng giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình toà án tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ và xét xử. Cho thấy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền lợi tố tụng của mình.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thiết nghĩ yêu cầu của nguyên đơn hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận toàn bộ, cần buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 45.839.458 (bốn mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn, bốn trăm năm mươi

tám) đồng cho nguyên đơn ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 22/3/2018 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng theo như ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa.

[4] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí dân sự sơ thẩm là 2.291.973 (hai triệu, hai trăm chín mươi mốt ngàn, chín trăm bảy mươi ba) đồng, bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 719.000 (bảy trăm mười chín ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0087993 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Đỗ Thị Ngọc B thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền là 45.839.458 (bốn mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn, bốn trăm năm mươi tám) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là 23.773.288 (hai mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi ba ngàn, hai trăm tám mươi tám) đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 14/12/2021 là 22.066.170 (hai mươi hai triệu, không trăm sáu mươi sáu ngàn, một trăm bảy mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Đỗ Thị Ngọc B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 22/3/2018 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 2.291.973 (hai triệu, hai trăm chín mươi mốt ngàn, chín trăm bảy mươi ba) đồng, bà Đỗ Thị Ngọc B phải nộp.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 719.000 (bảy trăm mười chín ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0087993 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Án xử công khai. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Y;
- Chi Cục THADS quận Y;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thiện Liên Hương